

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ: I - NĂM HỌC: 2026-2027
(KHÓA K24 - CẤP NHẬT)

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
1	FOO 231	3	Bóng đá_01 (TD 24)	Đỗ Thái Phong	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3,4,5	Sân tập			
2	EAS2 31	3	Các khoa học trái đất_01 (QLTN 24)	Nguyễn Thị Bích Liên	14/09/2026-27/12/2026	15	7,8	A2. P303													
				Nguyễn Thị Bích Liên	09/11/2026-20/12/2026	6											1,2,3,4,5	Thực hành			
3	COM 131	3	Cấu tạo chất_01 (KHTN 24, HóaGV 24)	Bùi Minh Quý	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A2. P203					
4	FUC1 31	3	Cơ sở các quá trình Hóa học_01 (KHTN 24)	Trương Thị Thảo	14/09/2026-22/11/2026	10							4,5	A2. P303							
				Trương Thị Thảo	19/10/2026-27/12/2026	10									7,8,9,10,11	PTN					
5	ICS2 31	3	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông_01 (BC1 24)	Phạm Chiến Thắng	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3,4	A3. P302			
6	VCF3 32	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam_01 (QTDV1 24)	Dương Thùy Linh	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A3. P501													
7	VCF3 32	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam_02 (QTDV2 24, DTTS 24)	Dương Thùy Linh	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3	A2. P104			
8	VCF3 32	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam_03 (DL1 24, DL2 24)	Trần Thế Dương	14/09/2026-27/12/2026	15											9,10,11	A3. P102			
9	HDJ1 31	3	Công tác xã hội đại cương_01 (CTXH1 24, CTXH2 24)	Nguyễn Thị Hồng Trâm	14/09/2026-27/12/2026	15			7,8,9	A3. P502											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
10	BIO331	3	Đa dạng sinh học_01 (Được 24, KTHH 23)	Nguyễn Thị Yên	21/09/2026-13/12/2026	12											7,8,9,10	A2. P403			
11	VCG 231	3	Đại cương Văn hóa Việt Nam_01 (Văn1 24)	Dương Thùy Linh	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8,9	A3. P204			
12	VCG 231	3	Đại cương Văn hóa Việt Nam_02 (Văn2 24)	Trần Thế Dương	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3	A3. P402			
13	VCG 231	3	Đại cương Văn hóa Việt Nam_03 (Văn3 24)	Trần Thế Dương	14/09/2026-27/12/2026	15							3,4,5	A3. P502							
14	VCG 231	3	Đại cương Văn hóa Việt Nam_04 (Văn4 24)	Dương Thùy Linh	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A3. P202													
15	VCG 231	3	Đại cương Văn hóa Việt Nam_05 (Văn5 24)	Dương Thùy Linh	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A3. P204									
16	ALA 241	4	Đại số tuyến tính_01 (CNTT 24, KHDL 24)	Trần Đức Dũng	14/09/2026-27/12/2026	15									4,5	A2. P403					
				Trần Đức Dũng		15	4,5	A2. P301													
17	LAG 131	3	Đại số tuyến tính và hình học giải tích A1_01 (ToánV1 24)	Trần Đức Dũng	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A3. P304					
18	LAG 131	3	Đại số tuyến tính và hình học giải tích A1_02 (ToánV2 24)	Phạm Hồng Nam	14/09/2026-27/12/2026	15									7,8,9	A3. P502					
19	LAG 131	3	Đại số tuyến tính và hình học giải tích A1_03 (ToánV3 24)	Ngô Văn Định	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A3. P102											
20	LAG 131	3	Đại số tuyến tính và hình học giải tích A1_04 (TTGV 24)	Phạm Hồng Nam	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A3. P204													
21	LAG 131	3	Đại số tuyến tính và hình học giải tích A1_05 (ToánV1 24, ToánV2 24, ToánV3 24, TTUD 24)	Nguyễn Thu Hằng	14/09/2026-27/12/2026	15	7,8,9	A2. P304													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
22	LIT131	3	Dẫn luận ngôn ngữ_01 (DTTS 24)	La Thị Mỹ Quỳnh	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A2. P102					
23	REA 231	3	Đánh giá nhanh môi trường_01 (MT 24)	Nguyễn Thị Hồng Viên	14/09/2026-27/12/2026	15			7,8	A2. P505											
				Nguyễn Thị Hồng Viên	09/11/2026-20/12/2026	6							1,2,3,4,5	Thực hành							
24	SIT231	3	Địa lý du lịch_01 (QTDV1 24)	Chu Thành Huy	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8	A3. P101			
				Chu Thành Huy	16/11/2026-27/12/2026	6			7,8,9,10,11	Thực hành											
25	SIT231	3	Địa lý du lịch_02 (QTDV2 24)	Chu Thành Huy	14/09/2026-27/12/2026	15					7,8	A2. P303									
				Chu Thành Huy	16/11/2026-27/12/2026	6	1,2,3,4,5	Thực hành													
26	SIT231	3	Địa lý du lịch_03 (DL1 24, DL2 24)	Đỗ Thị Vân Hương	14/09/2026-27/12/2026	15											4,5	A3. P403			
				Đỗ Thị Vân Hương	16/11/2026-27/12/2026	6									7,8,9,10,11	Thực hành					
27	GNG 231	3	Địa lý tự nhiên đại cương 1_01 (Địa 24)	Đỗ Thị Vân Hương	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A3. P202							
28	ATH 231	3	Điện kinh_01 (TD 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9							8,9,10,11	Sân tập							
				Dương Minh Cường		9									8,9,10,11	Sân tập					
29	AOM 331	3	Giải phẫu và sinh lý người_01 (SD 24)	Hứa Nguyệt Mai	14/09/2026-08/11/2026	8											7,8,9,10	A2. P505			
				Hứa Nguyệt Mai	09/11/2026-20/12/2026	6					1,2,3,4,5	PTN									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
30	ANA 231	3	Giải tích 1_01 (CNTT 24, KHDL 24)	Nguyễn Thanh Hường	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A2. P403					
31	ANA 231	3	Giải tích 1_02 (LýBD 24, LýGV 24)	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A2. P402											
32	ANA 131	3	Giải tích A1_01 (ToánV1 24)	Trần Xuân Quý	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8,9	A3. P202			
33	ANA 131	3	Giải tích A1_02 (ToánV2 24)	Mai Viết Thuận	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A3. P402													
34	ANA 131	3	Giải tích A1_03 (ToánV3 24)	Nguyễn Thanh Hường	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A3. P202													
35	ANA 131	3	Giải tích A1_04 (TTGV 24)	Mai Viết Thuận	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A3. P402											
36	ANA 131	3	Giải tích A1_05 (ToánV1 24, ToánV2 24, ToánV3 24, TTUD 24)	Mai Viết Thuận	14/09/2026-27/12/2026	15			7,8,9	A2. P302											
37	PHE1 31	1	Giáo dục thể chất 1_01 (TQ1 24)	Dương Minh Cường	14/09/2026-18/10/2026	5						1,2,3	Sân tập								
				Dương Minh Cường		5					1,2,3	Sân tập									
38	PHE1 31	1	Giáo dục thể chất 1_02 (TQ2 24)	Dương Minh Cường	14/09/2026-18/10/2026	5					9,10,11	Sân tập									
				Dương Minh Cường		5			9,10,11	Sân tập											
39	PHE1 31	1	Giáo dục thể chất 1_03 (TQ3 24)	Dương Minh Cường	14/09/2026-18/10/2026	5											1,2,3	Sân tập			
				Dương Minh Cường		5							9,10,11	Sân tập							
40	PHE1	1	Giáo dục thể chất 1_04 (TQ4 24)	Dương Minh Cường	14/09/2026-	5			1,2,3	Sân tập											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
40	31	1	Giáo dục thể chất 1_04 (TQ4 24)	Dương Minh Cường	18/10/2026	5	9,10,11	Sân tập													
41	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_05 (TQ5 24, NNTQ11 24)	Đoàn Hải Linh	14/09/2026-18/10/2026	5											9,10,11	Sân tập			
				Đoàn Hải Linh		5			1,2,3	Sân tập											
42	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_06 (Địa 24)	Dương Minh Cường	14/09/2026-18/10/2026	5											3,4,5	Sân tập			
				Dương Minh Cường		5								1,2,3	Sân tập						
43	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_07 (TQ7 24)	Dương Minh Cường	14/09/2026-18/10/2026	5						9,10,11	Sân tập								
				Dương Minh Cường		5	1,2,3	Sân tập													
44	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_08 (ToánV3 24)	Đoàn Hải Linh	14/09/2026-18/10/2026	5											1,2,3	Sân tập			
				Đoàn Hải Linh		5								9,10,11	Sân tập						
45	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_10 (NNTQ1 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9					9,10,11	Sân tập									
46	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_11 (NNTQ2 24)	Đỗ Thái Phong	26/10/2026-27/12/2026	9	1,2,3	Sân tập													
47	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_12 (NNTQ3 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9	1,2,3	Sân tập													
48	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_13 (NNTQ4 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9			9,10,11	Sân tập											
49	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_14 (NNTQ5 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9								9,10,11	Sân tập						

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
50	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_15 (NNTQ6 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9			1,2,3	Sân tập											
51	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_16 (NNTQ7 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9									1,2,3	Sân tập					
52	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_17 (NNTQ8 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9									1,2,3	Sân tập					
53	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_18 (NNTQ9 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9			9,10,11	Sân tập											
54	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_19 (NNTQ10 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9	1,2,3	Sân tập													
55	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_20 (DL1 24, DL2 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9					1,2,3	Sân tập									
56	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_25 (Văn1 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9											1,2,3	Sân tập			
57	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_26 (Văn2 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9							9,10,11	Sân tập							
58	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_27 (Văn3 24)	Hoàng Minh Tuấn	26/10/2026-27/12/2026	9					1,2,3	Sân tập									
59	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_28 (Văn4 24)	Đỗ Thái Phong	26/10/2026-27/12/2026	9							9,10,11	Sân tập							
60	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_29 (CTXH1 24, CTXH2 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9	9,10,11	Sân tập													
61	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_32 (Anh1 24, Anh5 24, Anh4 24)	Dương Văn Tiệp	26/10/2026-27/12/2026	9											9,10,11	Sân tập			
62	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_33 (Anh2 24, Anh5 24, Anh4 24)	Đoàn Hải Linh	26/10/2026-27/12/2026	9											9,10,11	Sân tập			
63	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_34 (Anh3 24, Anh6 24, Anh4 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9											1,2,3	Sân tập			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
64	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_35 (Văn5 24)	Hoàng Minh Tuấn	26/10/2026-27/12/2026	9											1,2,3	Sân tập			
65	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_36 (AGV 24, Anh5 24, Văn6 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9											9,10,11	Sân tập			
66	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_37 (AH 24, ToánA 24, Sinh 24)	Đỗ Thái Phong	26/10/2026-27/12/2026	9					9,10,11	Sân tập									
67	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_38 (ToánV1 24)	Đỗ Thái Phong	26/10/2026-27/12/2026	9									9,10,11	Sân tập					
68	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_39 (ToánV2 24)	Đỗ Thái Phong	26/10/2026-27/12/2026	9											9,10,11	Sân tập			
69	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_40 (TTGV 24, TTUD 24)	Dương Văn Tiệp	26/10/2026-27/12/2026	9											1,2,3	Sân tập			
70	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_42 (BC1 24, BC2 24)	Đỗ Thái Phong	26/10/2026-27/12/2026	9									1,2,3	Sân tập					
71	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_43 (QHCC 24, TQ8 24)	Dương Văn Tiệp	26/10/2026-27/12/2026	9									1,2,3	Sân tập					
72	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_44 (LýBD 24, LýGV 24, DTTS 24, TV 24)	Đỗ Thái Phong	26/10/2026-27/12/2026	9	9,10,11	Sân tập													
73	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_45 (QLTN 24, MT 24, VNH 24, NNTQ11 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9					9,10,11	Sân tập									
74	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_46 (QLNL2 24)	Hoàng Minh Tuấn	26/10/2026-27/12/2026	9							9,10,11	Sân tập							
75	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_47 (KTHH 24, HóaGV 24, Dược 24, SĐ 24, KHTN 24, Văn6 24)	Đoàn Hải Linh	26/10/2026-27/12/2026	9							9,10,11	Sân tập							
76	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_48 (HQ1 24)	Nguyễn Đức Toàn	26/10/2026-27/12/2026	9	9,10,11	Sân tập													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
77	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_49 (HQ2 24, HQ3 24, DL2 24)	Hoàng Minh Tuấn	26/10/2026-27/12/2026	9	9,10,11	Sân tập													
78	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_50 (QTDV1 24, CNSH 24, Sinh 24)	Dương Minh Cường	26/10/2026-27/12/2026	9							1,2,3	Sân tập							
79	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_51 (QTDV2 24)	Đỗ Thái Phong	26/10/2026-27/12/2026	9							1,2,3	Sân tập							
80	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_52 (QLNL1 24)	Hoàng Minh Tuấn	26/10/2026-27/12/2026	9								9,10,11	Sân tập						
81	PHE131	1	Giáo dục thể chất 1_53 (QLKT 24)	Đoàn Hải Linh	26/10/2026-27/12/2026	9								9,10,11	Sân tập						
82	GEC131	3	Hóa đại cương_01 (CNSH 24, Sinh 24)	Nguyễn Thị Hồng Hoa	14/09/2026-01/11/2026	7								1,2,3,4,5	A2. P505						
				Nguyễn Thị Hồng Hoa	02/11/2026-29/11/2026	4								1,2,3,4,5	PTN						
83	GCH231	3	Hóa học cơ sở_01 (HóaGV 24)	Trương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A2. P303							
84	CHE131	3	Hóa học đại cương_01 (KTHH 24, được 24)	Nguyễn Thị Hồng Hoa	14/09/2026-01/11/2026	7							1,2,3,4,5	A2. P504							
				Nguyễn Thị Hồng Hoa	02/11/2026-29/11/2026	4							1,2,3,4,5	PTN							
85	INC231	3	Hóa vô cơ_01 (SĐ 24)	Nguyễn Thị Ngọc Linh	14/09/2026-27/12/2026	15					7,8,9	A3. P504									
86	PLD221	2	Học thuyết chính trị - pháp lý_03 (Luật1 24)	Lê Văn Cảnh	14/09/2026-27/12/2026	15										10,11	A3. P502				
87	PLD221	2	Học thuyết chính trị - pháp lý_04 (Luật2 24)	Lê Văn Cảnh	14/09/2026-27/12/2026	15										1,2	A3. P102				
88	PLD221	2	Học thuyết chính trị - pháp lý_05 (LuậtKT 24)	Lê Văn Cảnh	14/09/2026-27/12/2026	15								4,5	A3. P503						

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
89	GMS 341	4	Khoa học quản lý đại cương_01 (QLNL1 24)	Bế Hồng Cúc	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5	A3. P102													
				Bế Hồng Cúc		15											4,5	A3. P204			
90	GMS 341	4	Khoa học quản lý đại cương_02 (QLNL2 24)	Nguyễn Thị Kim Phương	14/09/2026-25/10/2026	6					9,10,11,12	A3. P502									
				Đặng Thuỳ Dương	26/10/2026-27/12/2026	9					9,10,11,12	A3. P502									
91	GMS 331	3	Khoa học quản lý đại cương_03 (QLKT 24)	Nguyễn Thanh Huyền	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A2. P204											
92	CTO 332	3	Kỹ năng giao tiếp_03 (QLNL1 24)	La Thị Mỹ Quỳnh	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3	A3. P204			
93	CTO 332	3	Kỹ năng giao tiếp_04 (QLNL2 24)	Nghiêm Thị Hồ Thu	14/09/2026-27/12/2026	15											9,10,11	A3. P101			
94	CTO 332	3	Kỹ năng giao tiếp_05 (BC1 24)	Nghiêm Thị Hồ Thu	14/09/2026-27/12/2026	15			7,8,9	A2. P104											
95	CTO 332	3	Kỹ năng giao tiếp_06 (TV 24, VN 24)	Phạm Thị Vân Huyền	14/09/2026-27/12/2026	15											3,4,5	A2. P201			
96	SKC2 31	3	Kỹ năng giao tiếp trong quản lý_01 (QLKT 24)	Bế Hồng Cúc	14/09/2026-27/12/2026	15								1,2,3	A2. P301						
97	CTO 333	3	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán_01 (QHCC 24)	Phạm Thị Vân Huyền	14/09/2026-01/11/2026	7					4,5,6	A2. P102									
				Nguyễn Thị Trà My	02/11/2026-27/12/2026	8					4,5,6	A2. P102									
98	EEL2 31	3	Kỹ năng nghe nói tiếng Anh chuyên ngành môi trường_01 (MT 24)	Mai Thị Lan Anh	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A3. P503					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
99	HIW 241	4	Lịch sử Thế giới cổ trung đại_01 (Sử1 24)	Dương Thị Huyền	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A3. P403							
				Dương Thị Huyền	07/12/2026-27/12/2026	3	7,8,9,10,11	A3. P403													
100	HIW 241	4	Lịch sử Thế giới cổ trung đại_02 (Sử2 24)	Dương Thị Huyền	14/09/2026-27/12/2026	15							9,10,11	A3. P204							
				Dương Thị Huyền	07/12/2026-27/12/2026	3			7,8,9,10,11	A3. P204											
101	HIW 241	4	Lịch sử Thế giới cổ trung đại_03 (Sử3 24)	Dương Thị Huyền	14/09/2026-27/12/2026	15											10,11,12	A2. P502			
				Dương Thị Huyền	07/12/2026-27/12/2026	3								1,2,3,4,5	A2. P502						
102	HIW 241	4	Lịch sử Thế giới cổ trung đại_04 (Sử4 24)	Dương Thị Huyền	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8,9	A2. P502			
				Dương Thị Huyền	07/12/2026-27/12/2026	3								7,8,9,10,11	A2. P502						
103	NEF3 31	3	Lịch sử Việt Nam_01 (QTDV1 24)	Mai Thị Hồng Vĩnh	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A3. P204											
104	NEF3 31	3	Lịch sử Việt Nam_02 (QTDV2 24)	Mai Thị Hồng Vĩnh	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5,6	A3. P501											
105	NEF3 31	3	Lịch sử Việt Nam_03 (DL1 24, DL2 24)	Mai Thị Hồng Vĩnh	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3	A3. P403			
106	NEF3 31	3	Lịch sử Việt Nam_04 (VNH 24)	Mai Thị Hồng Vĩnh	14/09/2026-27/12/2026	15							9,10,11	A2. P303							
107	VHI2 41	4	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại_01 (Sử1 24)	Đỗ Hằng Nga	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5,6	A3. P402							
				Đỗ Hằng Nga	07/12/2026-27/12/2026	3									7,8,9,10,11	A3. P402					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
108	VHI2 41	4	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại_02 (Sử2 24)	Đỗ Hằng Nga	14/09/2026-27/12/2026	15			3,4,5	A3. P202											
				Đỗ Hằng Nga	07/12/2026-27/12/2026	3									1,2,3,4,5	A3. P101					
109	VHI2 41	4	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại_03 (Sử3 24)	Đỗ Hằng Nga	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A3. P502									
				Đỗ Hằng Nga	07/12/2026-27/12/2026	3	7,8,9,10,11	A3. P502													
110	VHI2 41	4	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại_04 (Sử4 24)	Đỗ Hằng Nga	14/09/2026-27/12/2026	15							9,10,11	A2. P404							
				Đỗ Hằng Nga	07/12/2026-27/12/2026	3	1,2,3,4,5	A2. P404													
111	QIN2 21	2	Luyện âm tiếng Anh_01 (Anh1 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15	3,4	A3. P101													
112	QIN2 21	2	Luyện âm tiếng Anh_02 (Anh2 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2	A3. P103													
113	QIN2 21	2	Luyện âm tiếng Anh_03 (Anh3 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2	A3. P303											
114	QIN2 21	2	Luyện âm tiếng Anh_04 (Anh4 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15			3,4	A3. P201											
115	QIN2 21	2	Luyện âm tiếng Anh_05 (Anh5 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15					7,8	A3. P502									
116	QIN2 21	2	Luyện âm tiếng Anh_06 (AGV 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2	A2. P503							
117	QIN2 21	2	Luyện âm tiếng Anh_07 (AH 24, ToánA 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15									2,3	A3. P303					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
118	MC11 52	5	Lý luận nhà nước và pháp luật_01 (Luật1 24)	Nguyễn Thị Hoàng Lan	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5	A3. P403													
				Nguyễn Thị Hoàng Lan		15									1,2,3	A3. P502					
119	MC11 52	5	Lý luận nhà nước và pháp luật_02 (Luật2 24)	Trịnh Vương An	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8,9,10,11	A3. P301			
120	MC11 52	5	Lý luận nhà nước và pháp luật_03 (LuậtKT 24)	Lê Thanh Huyền	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3,4,5	A3. P301			
121	SPN4 31	3	Môi trường và phát triển bền vững_02 (KTHH 24, QLTN 24, MT 24)	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	14/09/2026-01/11/2026	7									4,5	A3. P202					
				Nguyễn Thị Nhâm Tuất	28/09/2026-18/10/2026	3											1,2,3,4,5	Thực hành			
				Nguyễn Thị Hồng Viên	19/10/2026-08/11/2026	3											1,2,3,4,5	Thực hành			
				Nguyễn Thị Hồng Viên	02/11/2026-27/12/2026	8									4,5	A3. P202					
122	PNG 131	3	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản_01 (Anh1 24)	Phùng Thị Nga	14/09/2026-29/11/2026	11			1,2,3	A3. P101											
				Nguyễn Hải Quỳnh	30/11/2026-27/12/2026	4			1,2,3	A3. P101											
123	PNG 131	3	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản_02 (Anh2 24)	Phùng Thị Nga	14/09/2026-29/11/2026	11					1,2,3	A3. P103									
				Nguyễn Hải Quỳnh	30/11/2026-27/12/2026	4					1,2,3	A3. P103									
124	PNG 131	3	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản_03 (Anh3 24)	Phùng Thị Nga	14/09/2026-29/11/2026	11							1,2,3	A3. P401							
				Nguyễn Hải Quỳnh	30/11/2026-27/12/2026	4							1,2,3	A3. P401							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
125	PNG 131	3	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản_04 (Anh4 24)	Phùng Thị Nga	14/09/2026-29/11/2026	11									1,2,3	A3. P201					
				Nguyễn Hải Quỳnh	30/11/2026-27/12/2026	4									1,2,3	A3. P201					
126	PNG 131	3	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản_05 (Anh5 24)	Nguyễn Hiền Nhân	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A3. P301									
127	PNG 131	3	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản_06 (AH 24, ToánA 24)	Phùng Thị Hải Vân	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A3. P303							
128	GIF2 32	3	Nhập môn công nghệ thông tin_01 (CNTT 24, KHDL 24)	Phạm Ngọc Phương	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5	A2. P302									
129	GIF2 32	3	Nhập môn công nghệ thông tin_01 (CNTT 24, KHDL 24) N1_CNTT	Phạm Ngọc Phương	05/10/2026-13/12/2026	10	7,8,9	PM 3													
130	GIF2 32	3	Nhập môn công nghệ thông tin_01 (CNTT 24, KHDL 24) N2_CNTT	Phạm Ngọc Phương	05/10/2026-13/12/2026	10			7,8,9	PM 3											
131	GIF2 32	3	Nhập môn công nghệ thông tin_01 (CNTT 24, KHDL 24) N3_CNTT	Phạm Ngọc Phương	05/10/2026-13/12/2026	10	10,11,12	PM 3													
132	SFK2 31	3	Nhập môn Hàn Quốc học_01 (HQ1 24)	Dương Thị Huyền	14/09/2026-08/11/2026	8			1,2,3	A3. P302											
				Nguyễn Thị Huyền Trang	09/11/2026-27/12/2026	7			1,2,3	A3. P302											
133	SFK2 31	3	Nhập môn Hàn Quốc học_02 (HQ2 24, HQ1 24)	Dương Thị Huyền	14/09/2026-08/11/2026	8	1,2,3	A3. P304													
				Nguyễn Thị Huyền Trang	09/11/2026-27/12/2026	7	1,2,3	A3. P304													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
134	IST3 31	3	Nhập môn Khoa học Du lịch_01 (QTDV1 24)	Đào Thị Hồng Thúy	14/09/2026-22/11/2026	10	4,5,6	A3. P502													
				Đào Thị Hồng Thúy	07/12/2026-27/12/2026	3													7,8,9,10,11	Thực hành	
135	IST3 31	3	Nhập môn Khoa học Du lịch_02 (QTDV2 24)	Đào Thị Hồng Thúy	14/09/2026-22/11/2026	10									1,2,3	A3. P501					
				Đào Thị Hồng Thúy	07/12/2026-27/12/2026	3											7,8,9,10,11	Thực hành			
136	IST3 31	3	Nhập môn Khoa học Du lịch_03 (DL1 24, DL2 24)	Đào Thị Hồng Thúy	14/09/2026-27/12/2026	15							7,8	A2. P404							
				Đào Thị Hồng Thúy	07/12/2026-27/12/2026	3													1,2,3,4,5	Thực hành	
137	INE1 31	3	Nhập môn thẩm mỹ học_01 (SĐ 24)	Nguyễn Thị Yến	14/09/2026-27/12/2026	15									3,4,5	A2. P303					
138	SLC1 31	3	Nhập môn Trung Quốc học_01 (TQ1 24, TQ4 24)	Phan Phạm Chi Mai	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A2. P101													
139	SLC1 31	3	Nhập môn Trung Quốc học_02 (TQ1 24, TQ2 24, TQ4 24)	Phan Phạm Chi Mai	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A2. P104													
140	SLC1 31	3	Nhập môn Trung Quốc học_03 (TQ2 24, TQ3 24, TQ5 24)	Phan Phạm Chi Mai	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A2. P202							
141	SLC1 31	3	Nhập môn Trung Quốc học_04 (TQ3 24, TQ4 24)	Phan Phạm Chi Mai	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5,6	A2. P404							
142	SLC1 31	3	Nhập môn Trung Quốc học_05 (TQ1 24, TQ2 24, TQ3 24)	Đào Thị Hồng Thúy	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5,6	A2. P101											
143	SLC1 31	3	Nhập môn Trung Quốc học_06 (TQ4 24)	Đào Thị Hồng Thúy	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5,6	A2. P502							
144	HIM2 31	3	Nhập môn và Phương pháp luận sử học_01 (Sử1 24)	Nguyễn Minh Tuấn	14/09/2026-27/12/2026	15			3,4,5	A3. P403											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
145	HIM231	3	Nhập môn và Phương pháp luận sử học_02 (Sử2 24)	Nguyễn Minh Tuấn	14/09/2026-27/12/2026	15					3,4,5	A3. P202									
146	HIM231	3	Nhập môn và Phương pháp luận sử học_03 (Sử3 24)	Nguyễn Minh Tuấn	14/09/2026-27/12/2026	15							3,4,5	A3. P501							
147	HIM231	3	Nhập môn và Phương pháp luận sử học_04 (Sử4 24)	Nguyễn Minh Tuấn	14/09/2026-27/12/2026	15									3,4,5	A3. P102					
148	ITL131	3	Pháp luật đại cương_16 (HQ1 24, QLNL2 24)	Nguyễn Thị Hoàng Lan	14/09/2026-01/11/2026	7					1,2,3	A3. P102									
				Trịnh Thị Lan Anh	02/11/2026-27/12/2026	8					1,2,3	A3. P102									
149	ITL131	3	Pháp luật đại cương_17 (HQ2 24, HQ3 24, QHCC 24 2)	Ma Thị Thanh Hiếu	14/09/2026-27/12/2026	15									7,8,9	A2. P101					
150	ITL131	3	Pháp luật đại cương_18 (CTXH1 24, CTXH2 24)	Nguyễn Thị Thùy Giang	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3	A2. P202			
151	ITL131	3	Pháp luật đại cương_19 (Sử1 24)	Tổng Thị Thu Trang	14/09/2026-27/12/2026	15					3,4,5	A3. P403									
152	ITL131	3	Pháp luật đại cương_20 (Sử2 24)	Dương Thị Xuân Quý	14/09/2026-01/11/2026	7	1,2,3	A3. P502													
				Nguyễn Hoàng Ly	02/11/2026-27/12/2026	8	1,2,3	A3. P502													
153	ITL131	3	Pháp luật đại cương_21 (Sử3 24)	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	14/09/2026-27/12/2026	15	3,4,5	A2. P401													
154	ITL131	3	Pháp luật đại cương_22 (ToánV1 24)	Nguyễn Hải Ngân	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A3. P304							
155	ITL131	3	Pháp luật đại cương_23 (ToánV2 24)	Trịnh Vương An	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A3. P402							
156	ITL131	3	Pháp luật đại cương_24 (TTGV 24, KHTN 24, QLNL2 24)	Lê Văn Cảnh	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A3. P304									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
157	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_26 (QLNL1 24, QLNL2 24)	Nguyễn Hải Ngân	14/09/2026-27/12/2026	15			3,4,5	A3. P502											
158	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_27 (QHCC 24, QLNL2 24 1)	Nguyễn Thị Thu Hường	14/09/2026-01/11/2026	7			7,8,9	A2. P404											
				Ma Thị Thanh Hiếu	02/11/2026-27/12/2026	8			7,8,9	A2. P404											
159	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_28 (Văn1 24)	Nguyễn Thị Thùy Giang	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A3. P204					
160	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_29 (Văn2 24)	Nguyễn Thị Thu Hường	14/09/2026-27/12/2026	15									3,4,5	A3. P402					
161	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_30 (Văn3 24)	Tổng Thị Thu Trang	14/09/2026-27/12/2026	15											3,4,5	A3. P102			
162	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_31 (LýBD 24, LýGV 24, QLTN 24)	Dương Thị Xuân Quý	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A2. P401							
163	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_32 (Địa 24, HóaGV 24, Dược 24, SĐ 24)	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	14/09/2026-27/12/2026	15			9,10,11	A3. P304											
164	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_33 (CNSH 24, Sinh 24, Địa 24)	Nguyễn Hoàng Ly	14/09/2026-27/12/2026	15	7,8,9	A2. P404													
165	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_34 (Văn4 24)	Nguyễn Thị Hoàng Lan	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8,9	A2. P202			
166	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_35 (Sử4 24)	Nguyễn Thị Thu Hường	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2,3	A3. P202			
167	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_36 (Văn5 24)	Lê Thanh Huyền	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A2. P103													
168	ITL1 31	3	Pháp luật đại cương_37 (ToánV3 24)	Nguyễn Hải Ngân	14/09/2026-27/12/2026	15			10,11,12	A2. P502											
169	GPR2 31	3	Quan hệ công chúng đại cương_01 (QHCC 24)	Lê Đình Hải	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8,9	A2. P503			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
170	GEP3 31	3	Tâm lý học đại cương_01 (CTXH1 24, CTXH2 24)	Nguyễn Thị Hồng Trâm	14/09/2026-27/12/2026	15					9,10,11	A2. P404									
171	GEP2 21	2	Tâm lý học đại cương_02 (QLNL1 24)	Nguyễn Thị Hồng Trâm	14/09/2026-27/12/2026	15											9,10	A3. P403			
172	GEP2 21	2	Tâm lý học đại cương_03 (QLNL2 24)	Nguyễn Thị Hồng Trâm	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8	A3. P403			
173	GEP2 21	2	Tâm lý học đại cương_04 (QLKT 24)	Nguyễn Thị Hồng Trâm	14/09/2026-27/12/2026	15					7,8	A2. P202									
174	LIC1 31	3	Thư viện học đại cương_01 (TV 24)	Nguyễn Minh Nguyệt	14/09/2026-27/12/2026	15									9,10,11	A2. P303					
175	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_01 (TQ1 24)	Nguyễn Minh Thư	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5,6	A2. P101									
176	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_02 (TQ2 24)	Nguyễn Minh Thư	14/09/2026-27/12/2026	15							3,4,5	A2. P104							
177	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_03 (TQ3 24)	Nguyễn Minh Sơn	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5,6	A2. P202							
178	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_04 (TQ4 24)	Nguyễn Minh Sơn	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A2. P103					
179	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_05 (TQ5 24, NNTQ11 24)	Nông Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A2. P404							
180	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_06 (TQ1 24, TQ2 24, TQ3 24)	Dương Thị Quyên	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5,6	A2. P101							
181	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_07 (TQ7 24)	Nông Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15									4,5,6	A2. P301					
182	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_08 (TQ8 24)	Triệu Văn Toàn	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5,6	A2. P402							
183	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_09 (NNTQ11 24)	Dương Thị Quyên	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5,6	A2. P104									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
184	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_13 (NNTQ1 24)	Triệu Văn Toàn	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A2. P404					
185	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_14 (NNTQ2 24)	Đoàn Văn Hiện	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A2. P302					
186	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_15 (NNTQ3 24)	Đoàn Văn Hiện	14/09/2026-27/12/2026	15									4,5,6	A2. P302					
187	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_16 (NNTQ4 24)	Nguyễn Thị Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15									9,10,11	A2. P403					
188	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_17 (NNTQ5 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A3. P102							
189	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_18 (NNTQ6 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5,6	A3. P102							
190	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_19 (NNTQ7 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15							7,8,9	A2. P502							
191	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_20 (NNTQ8 24)	Lê Thị Xuân Phương	14/09/2026-27/12/2026	15									4,5,6	A2. P103					
192	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_21 (NNTQ9 24)	Ngô Thị Minh Loan	14/09/2026-27/12/2026	15									3,4,5	A2. P201					
193	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_22 (NNTQ10 24)	Lương Thị Thanh Dung	14/09/2026-27/12/2026	15			7,8,9	A2. P502											
194	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_23 (NNTQ1 24, NNTQ2 24, NNTQ3 24)	Triệu Văn Toàn	14/09/2026-27/12/2026	15									4,5,6	A2. P501					
195	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_24 (NNTQ4 24, NNTQ5 24, NNTQ6 24)	Lê Thị Xuân Phương	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A2. P501					
196	PRC2 31	3	Thực hành tiếng Trung 1_25 (NNTQ7 24, NNTQ9 24, NNTQ9 24)	Bùi Bảo Nhi	14/09/2026-27/12/2026	15					3,4,5	A3. P302									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
197	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_01 (Văn1 24)	Nguyễn Hải Quỳnh	14/09/2026-27/12/2026	15	11,12	A3. P402													
				Nguyễn Hải Quỳnh		15					4,5	A3. P204									
198	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_02 (Văn2 24)	Phùng Thị Hải Vân	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A3. P402											
				Phùng Thị Hải Vân		15					4,5	A3. P502									
199	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_03 (Văn3 24)	Mai Thị Lan Anh	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2	A3. P501											
				Mai Thị Lan Anh		15							1,2	A3. P501							
200	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_04 (Văn4 24)	Bùi Thị Ngoan	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2	A3. P502											
				Bùi Thị Ngoan		15							1,2	A3. P502							
201	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_05 (Văn1 24, Văn2 24, Văn3 24)	MG: Ngô Thị Thanh Huệ	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2	A3. P204							
				MG: Ngô Thị Thanh Huệ		15			1,2	A3. P202											
202	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_06 (CNTT 24, KHDL 24, TV 24)	MG: Nguyễn Thị Thanh Hồng	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2	A2. P504											
				MG: Nguyễn Thị Thanh Hồng		15							4,5	A3. P101							
203	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_07 (QTDV1 24)	Nguyễn Thị Phương Mai	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2	A3. P401									
				Nguyễn Thị Phương Mai		15							7,8	A3. P503							



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
204	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_08 (Văn5 24, Văn3 24)	Nguyễn Thị Bích Ngọc	14/09/2026-06/12/2026	12											7,8,9,10,11	A3. P302			
205	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_09 (QTDV1 24, QTDV2 24)	Mai Thị Lan Anh	14/09/2026-27/12/2026	15									4,5	A3. P204					
				Mai Thị Lan Anh		15					4,5	A2. P402									
206	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_10 (DL1 24, VNH 24)	Bùi Thị Ngoan	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A3. P504											
				Bùi Thị Ngoan		15							4,5	A3. P303							
207	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_11 (DL2 24)	MG: Lê Thị Nhung	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A2. P103											
				MG: Lê Thị Nhung		15							4,5	A2. P401							
208	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_14 (QLNL1 24)	Nguyễn Thị Tuyết	14/09/2026-27/12/2026	15					8,9	A2. P402									
				Nguyễn Thị Tuyết		15							1,2	A2. P101							
209	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_15 (QLNL2 24 1)	Nguyễn Thị Tuyết	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5	A3. P403							
				Nguyễn Thị Tuyết		15									1,2	A3. P504					
210	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_16 (QLKT 24)	Nguyễn Thị Tuyết	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A2. P402											
				Nguyễn Thị Tuyết		15									4,5	A2. P402					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
211	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_17 (TD 24)	Phùng Thị Hải Vân	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2	A3. P403											
				Phùng Thị Hải Vân		15					1,2	A3. P403									
212	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_21 (QLNL1 24, QLNL2 24)	Nguyễn Thị Tuyết	14/09/2026-27/12/2026	15	2,3	A3. P201													
				Nguyễn Thị Tuyết		15					4,5	A3. P504									
213	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_22 (TTUD 24, LýGV 24, BC1 24)	MG: Ngô Thị Thanh Huệ	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A3. P102											
				MG: Ngô Thị Thanh Huệ		15						4,5	A3. P304								
214	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_23 (CTXH1 24)	MG: Nguyễn Thị Thanh Hồng	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A3. P103											
				MG: Nguyễn Thị Thanh Hồng		15						1,2	A3. P302								
215	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_24 (CTXH1 24, LýBD 24, Hóagv 24)	Mai Thị Lan Anh	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A2. P104											
				Mai Thị Lan Anh		15						4,5	A2. P103								
216	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_25 (Luật1 24)	Bùi Thị Ngoan	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2	A3. P504													
				Bùi Thị Ngoan		15					1,2	A2. P402									
217	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_26 (Luật2 24, VNH 24, Văn5 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5	A3. P304									
				Lại Thị Thanh		15								4,5	A3. P304						

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
218	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_27 (LuậtKT 24, Luật1 24)	MG: Lê Thị Nhung	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2	A2. P302											
				MG: Lê Thị Nhung		15							1,2	A2. P304							
219	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_29 (BC1 24)	Nguyễn Hải Quỳnh	14/09/2026-27/12/2026	15			10,11	A2. P104											
				Nguyễn Hải Quỳnh		15	9,10	A2. P402													
220	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_30 (QHCC 24, QLNL2 24 2)	Nguyễn Thị Tuyết	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5	A2. P201													
				Nguyễn Thị Tuyết		15					2,3	A3. P201									
221	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_31 (Văn4 24, Văn5 24)	Dương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5	A3. P201							
				Dương Thị Thảo		15			4,5	A3. P301											
222	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_32 (Địa 24)	Dương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5	A3. P303													
				Dương Thị Thảo		15					4,5	A3. P101									
223	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_33 (QLKT 24, Địa 24, DTTS 24)	Lại Thị Thanh	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2	A3. P202									
				Lại Thị Thanh		15							4,5	A3. P202							
224	ENG 141	4	Tiếng Anh 1_34 (CNTT 24, CTXH2 24)	Đào Đình Mạnh	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2	A3. P302													
				Đào Đình Mạnh		15							1,2	A2. P402							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
225	ENG 241	4	Tiếng Anh 1A_01 (Anh1 24)	Phạm Phương Hoa	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2	A3. P101													
				Phạm Phương Hoa		15							3,4	A3. P302							
226	ENG 241	4	Tiếng Anh 1A_02 (Anh2 24)	Phạm Phương Hoa	14/09/2026-27/12/2026	15	3,4	A3. P103													
				Phạm Phương Hoa		15							1,2	A3. P103							
227	ENG 241	4	Tiếng Anh 1A_03 (Anh3 24)	Đào Đình Mạnh	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5	A3. P501													
				Đào Đình Mạnh		15							4,5	A3. P401							
228	ENG 241	4	Tiếng Anh 1A_04 (Anh4 24)	Trần Thị Phương Linh	14/09/2026-27/12/2026	15	2,3	A3. P204													
				Trần Thị Phương Linh		15					4,5	A3. P301									
229	ENG 241	4	Tiếng Anh 1A_05 (Anh5 24)	Phạm Phương Hoa	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5	A3. P201									
				Phạm Phương Hoa		15									2,3	A3. P301					
230	ENG 241	4	Tiếng Anh 1A_06 (AGV 24)	Phạm Phương Hoa	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2	A3. P302									
				Phạm Phương Hoa		15									4,5	A3. P302					
231	ENG 241	4	Tiếng Anh 1A_07 (AH 24, ToánA 24, Địa 24)	Nguyễn Hiền Nhân	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2	A3. P301													
				Nguyễn Hiền Nhân		15									4,5	A3. P303					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
232	LIK141	4	Tiếng Hàn 1_01 (HQ1 24)	Trần Thị Thanh Hương	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2	A3. P401													
				Trần Thị Thanh Hương		15					4,5	A3. P102									
233	LIK141	4	Tiếng Hàn 1_02 (HQ2 24, HQ1 24)	Trần Thị Thanh Hương	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5	A3. P304													
				Trần Thị Thanh Hương		15			1,2	A3. P401											
234	LIK141	4	Tiếng Hàn 1_03 (HQ3 24)	Trần Thị Thanh Hương	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A3. P503											
				Trần Thị Thanh Hương		15								1,2	A2. P504						
235	LIK141	4	Tiếng Hàn 1_04 (AH 24)	Trần Thị Thanh Hương	14/09/2026-27/12/2026	15	8,9,10,11	A2. P102													
236	CHE241	4	Tiếng Trung 1_01 (Anh1 24)	Hoàng Kiều Trinh	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A3. P101											
				Hoàng Kiều Trinh		15							1,2	A3. P101							
237	CHE241	4	Tiếng Trung 1_02 (Anh2 24)	Hoàng Kiều Trinh	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5	A3. P103									
				Hoàng Kiều Trinh		15							3,4	A3. P103							
238	CHE241	4	Tiếng Trung 1_03 (Anh3 24)	Ngô Thị Minh Loan	14/09/2026-27/12/2026	15			7,8	A2. P202											
				Ngô Thị Minh Loan		15									1,2	A3. P102					
239	CHE	4	Tiếng Trung 1_04 (Anh4 24)	Hoàng Kiều Trinh	14/09/2026-	15	4,5	A3. P201													

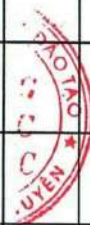
TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
239	241	4	Tiếng Trung 1_04 (Anh4 24)	Hoàng Kiều Trinh	27/12/2026	15			1,2	A3. P201											
240	CHE 241	4	Tiếng Trung 1_05 (Anh5 24)	Ngô Thị Minh Loan	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2	A3. P503											
				Ngô Thị Minh Loan		15							4,5	A2. P403							
241	CHE 241	4	Tiếng Trung 1_06 (AGV 24)	Bùi Bảo Nhi	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5	A3. P302													
				Bùi Bảo Nhi		15			4,5	A3. P302											
242	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_01 (TQ1 24)	Nguyễn Minh Thư	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A2. P101													
243	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_02 (TQ2 24)	Nguyễn Minh Thư	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A2. P104													
244	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_03 (TQ3 24)	Nguyễn Minh Sơn	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A2. P202													
245	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_04 (TQ4 24)	Nguyễn Minh Sơn	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A2. P204													
246	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_05 (TQ5 24, NNTQ11 24)	Nông Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A2. P202													
247	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_06 (TQ1 24, TQ2 24, TQ3 24)	Dương Thị Quyên	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A2. P101											
248	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_07 (TQ7 24)	Nông Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A2. P104											
249	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_08 (TQ8 24)	Triệu Văn Toàn	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5,6	A2. P503											
250	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_09 (NNTQ11 24)	Dương Thị Quyên	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A2. P203													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
251	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_13 (NNTQ1 24)	Triệu Văn Toàn	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A2. P404											
252	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_14 (NNTQ2 24)	Đoàn Văn Hiện	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A2. P201											
253	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_15 (NNTQ3 24)	Đoàn Văn Hiện	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5,6	A2. P201											
254	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_16 (NNTQ4 24)	Nguyễn Thị Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A2. P501													
255	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_17 (NNTQ5 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A2. P504													
256	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_18 (NNTQ6 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5,6	A2. P304													
257	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_19 (NNTQ7 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A2. P502											
258	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_20 (NNTQ8 24)	Nguyễn Thị Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15	7,8,9	A2. P502													
259	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_21 (NNTQ9 24)	Ngô Thị Minh Loan	14/09/2026-27/12/2026	15			3,4,5	A3. P303											
260	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_22 (NNTQ10 24)	Lương Thị Thanh Dung	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A3. P304											
261	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_23 (NNTQ1 24, NNTQ2 24, NNTQ3 24)	Nguyễn Minh Sơn	14/09/2026-27/12/2026	15	9,10,11	A2. P104													
262	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_24 (NNTQ4 24, NNTQ5 24, NNTQ6 24)	Đoàn Văn Hiện	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A3. P402									
263	CDJ2 31	3	Tiếng Trung tổng hợp 1_25 (NNTQ7 24, NNTQ8 24, NNTQ9 24)	Bùi Bảo Nhi	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A3. P503													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
264	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_01 (TQ1 24)	Nguyễn Minh Thư	14/09/2026-27/12/2026	15			10,11, 12	A3. P301											
265	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_02 (TQ2 24)	Nguyễn Minh Thư	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A2. P104									
266	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_03 (TQ3 24)	Nguyễn Minh Sơn	14/09/2026-27/12/2026	15										7,8,9	A2. P104				
267	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_04 (TQ4 24)	Nguyễn Minh Sơn	14/09/2026-27/12/2026	15										10,11, 12	A2. P104				
268	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_05 (TQ5 24, NNTQ11 24)	Nông Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5,6	A2. P404											
269	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_06 (TQ1 24, TQ2 24, TQ3 24)	Dương Thị Quyên	14/09/2026-27/12/2026	15								1,2,3	A2. P101						
270	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_07 (TQ7 24)	Nông Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5,6	A2. P201									
271	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_08 (TQ8 24)	Triệu Văn Toàn	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A2. P403									
272	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_09 (NNTQ11 24)	Dương Thị Quyên	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A2. P403							
273	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_13 (NNTQ1 24)	Triệu Văn Toàn	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5,6	A2. P404									
274	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_14 (NNTQ2 24)	Đoàn Văn Hiện	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5,6	A2. P504									
275	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_15 (NNTQ3 24)	Đoàn Văn Hiện	14/09/2026-27/12/2026	15							7,8,9	A2. P104							
276	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_16 (NNTQ4 24)	Nguyễn Thị Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15			3,4,5	A2. P302											
277	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_17 (NNTQ5 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5,6	A3. P204											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
278	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_18 (NNTQ6 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A2. P101									
279	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_19 (NNTQ7 24)	Bùi Thị Tú	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5,6	A2. P501									
280	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_20 (NNTQ8 24)	Nguyễn Thị Hải Yến	14/09/2026-27/12/2026	15					10,11,12	A2. P104									
281	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_21 (NNTQ9 24)	Ngô Thị Minh Loan	14/09/2026-27/12/2026	15					7,8,9	A2. P104									
282	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_22 (NNTQ10 24)	Lương Thị Thanh Dung	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A2. P202									
283	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_23 (NNTQ1 24, NNTQ2 24, NNTQ3 24)	Nguyễn Minh Sơn	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A2. P502							
284	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_24 (NNTQ4 24, NNTQ5 24, NNTQ6 24)	Đoàn Văn Hiện	14/09/2026-27/12/2026	15							10,11,12	A2. P104							
285	CDJ2 32	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_25 (NNTQ7 24, NNTQ8 24, NNTQ9 24)	Bùi Bảo Nhi	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A3. P504											
286	PVN 331	3	Tiếng Việt thực hành_01 (BC1 24)	Lý Thị Quỳnh Anh	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A2. P103									
287	GIF1 31	3	Tin học đại cương_01 (ToánV1 24)	Nguyễn Huyền Trang	14/09/2026-27/12/2026	15			4,5	A3. P304											
288	GIF1 31	3	Tin học đại cương_01 (ToánV1 24) N1	Nguyễn Văn Toàn	12/10/2026-20/12/2026	10	1,2	PM 1													
289	GIF1 31	3	Tin học đại cương_01 (ToánV1 24) N2	Nguyễn Văn Toàn	12/10/2026-20/12/2026	10	3,4	PM 1													
290	GIF1 31	3	Tin học đại cương_01 (ToánV1 24) N3	Ngô Hoàng Liêm	12/10/2026-20/12/2026	10									7,8	PM 1					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
291	GIF131	3	Tin học đại cương_01 (ToánV1 24) N4	Nguyễn Tuấn Anh	12/10/2026-20/12/2026	10					5,6	PM 2									
292	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (ToánV2 24)	Bùi Đức Việt	14/09/2026-27/12/2026	15	4,5	A3. P402													
293	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (ToánV2 24) N1	MG: Nguyễn Thị Ngoan	12/10/2026-20/12/2026	10			5,6	PM 1											
294	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (ToánV2 24) N2	MG: Nguyễn Thị Ngoan	12/10/2026-20/12/2026	10			3,4	PM 2											
295	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (ToánV2 24) N3	MG: Nguyễn Thị Ngoan	12/10/2026-20/12/2026	10					1,2	PM 2									
296	GIF131	3	Tin học đại cương_02 (ToánV2 24) N4	MG: Nguyễn Thị Ngoan	12/10/2026-20/12/2026	10					3,4	PM 2									
297	GIF131	3	Tin học đại cương_03 (TTGV 24, TTUD 24)	Hoàng Hoài Nam	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2	A3. P403					
298	GIF131	3	Tin học đại cương_03 (TTGV 24, TTUD 24) N1	Nguyễn Tuấn Anh	12/10/2026-20/12/2026	10			5,6	PM 2											
299	GIF131	3	Tin học đại cương_03 (TTGV 24, TTUD 24) N2	Đỗ Xuân Phương	12/10/2026-20/12/2026	10							3,4	PM 2							
300	GIF131	3	Tin học đại cương_03 (TTGV 24, TTUD 24) N3	Đỗ Xuân Phương	12/10/2026-20/12/2026	10							5,6	PM 2							
301	GIF131	3	Tin học đại cương_03 (TTGV 24, TTUD 24) N4	Đỗ Xuân Phương	12/10/2026-20/12/2026	10							1,2	PM 2							
302	GIF131	3	Tin học đại cương_05 (QLKT 24)	MG: Lê Văn Nam	14/09/2026-27/12/2026	15											1,2	A3. P304			
303	GIF131	3	Tin học đại cương_05 (QLKT 24) N1	MG: Nông Văn Khánh	12/10/2026-20/12/2026	10	5,6	PM 1													
304	GIF131	3	Tin học đại cương_05 (QLKT 24) N2	Bùi Thị Phương Thúy	12/10/2026-20/12/2026	10											7,8	PM 1			



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
305	GIF1 31	3	Tin học đại cương_05 (QLKT 24) N3	Bùi Thị Phương Thúy	12/10/2026-20/12/2026	10											9,10	PM 1			
306	GIF1 31	3	Tin học đại cương_06 (Luật1 24)	MG: Lê Văn Nam	14/09/2026-27/12/2026	15											3,4	A3. P304			
307	GIF1 31	3	Tin học đại cương_06 (Luật1 24) N1	Nguyễn Tuấn Anh	12/10/2026-20/12/2026	10			3,4	PM 3											
308	GIF1 31	3	Tin học đại cương_06 (Luật1 24) N2	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10			5,6	PM 3											
309	GIF1 31	3	Tin học đại cương_06 (Luật1 24) N3	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10			3,4	PM 1											
310	GIF1 31	3	Tin học đại cương_07 (LuậtKT 24, Luật2 24, NNTQ11 24)	Đỗ Thị Thu Hiền	14/09/2026-27/12/2026	15									10,11	A3. P502					
311	GIF1 31	3	Tin học đại cương_07 (LuậtKT 24, Luật2 24, NNTQ11 24) N1	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10	1,2	PM 3													
312	GIF1 31	3	Tin học đại cương_07 (LuậtKT 24, Luật2 24, NNTQ11 24) N2	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10	3,4	PM 3													
313	GIF1 31	3	Tin học đại cương_07 (LuậtKT 24, Luật2 24, NNTQ11 24) N3	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10	5,6	PM 3													
314	GIF1 31	3	Tin học đại cương_07 (LuậtKT 24, Luật2 24, NNTQ11 24) N4_NNTQ	MG: Phạm Quốc Hưng	12/10/2026-20/12/2026	10									1,2	PM 2					
315	GIF1 31	3	Tin học đại cương_11 (HQ1 24)	Đỗ Thị Thu Hiền	14/09/2026-27/12/2026	15							4,5	A3. P503							
316	GIF1 31	3	Tin học đại cương_11 (HQ1 24) N1	MG: Phạm Quốc Hưng	12/10/2026-20/12/2026	10									5,6	PM 1					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
317	GIF1 31	3	Tin học đại cương_11 (HQ1 24) N2	MG: Phạm Quốc Hưng	12/10/2026-20/12/2026	10									3,4	PM 1					
318	GIF1 31	3	Tin học đại cương_11 (HQ1 24) N3	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10					7,8	PM 2									
319	GIF1 31	3	Tin học đại cương_12 (HQ2 24, HQ3 24, NNTQ11 24)	Nguyễn Huyền Trang	14/09/2026-27/12/2026	15							7,8	A2. P201							
320	GIF1 31	3	Tin học đại cương_12 (HQ2 24, HQ3 24, NNTQ11 24) N1	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10					9,10	PM 2									
321	GIF1 31	3	Tin học đại cương_12 (HQ2 24, HQ3 24, NNTQ11 24) N2	MG: Bùi Thị Xuân	12/10/2026-20/12/2026	10					9,10	PM 1									
322	GIF1 31	3	Tin học đại cương_12 (HQ2 24, HQ3 24, NNTQ11 24) N3_NNTQ	MG: Bùi Thị Xuân	12/10/2026-20/12/2026	10					7,8	PM 1									
323	GIF1 31	3	Tin học đại cương_12 (HQ2 24, HQ3 24, NNTQ11 24) N4	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10											1,2	PM 2			
324	GIF1 31	3	Tin học đại cương_13 (TD 24, TV 24)	Phạm Ngọc Phương	14/09/2026-27/12/2026	15					7,8	A2. P404									
325	GIF1 31	3	Tin học đại cương_13 (TD 24, TV 24) N1	MG: Nông Văn Khánh	12/10/2026-20/12/2026	10	3,4	PM 2													
326	GIF1 31	3	Tin học đại cương_13 (TD 24, TV 24) N2	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10									3,4	PM 2					
327	GIF1 31	3	Tin học đại cương_13 (TD 24, TV 24) N3_TV	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10									5,6	PM 2					
328	GIF1 31	3	Tin học đại cương_14 (CNSH 24, Sinh 24, Dược 24, QLTN 24, VNH 24)	Bùi Thị Phương Thúy	14/09/2026-27/12/2026	15	2,3	A2. P103													
329	GIF1 31	3	Tin học đại cương_14 (CNSH 24, Sinh 24, Dược 24, QLTN 24, VNH 24) N1_Sinh	MG: Phạm Quốc Hưng	12/10/2026-20/12/2026	10											3,4	PM 1			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
330	GIF1 31	3	Tin học đại cương_14 (CNSH 24, Sinh 24, Dược 24, QLTN 24, VNH 24) N2_Dược, CNSH	MG: Phạm Quốc Hưng	12/10/2026-20/12/2026	10											1,2	PM 1			
331	GIF1 31	3	Tin học đại cương_14 (CNSH 24, Sinh 24, Dược 24, QLTN 24, VNH 24) N3_QLTN	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10							7,8	PM 2							
332	GIF1 31	3	Tin học đại cương_14 (CNSH 24, Sinh 24, Dược 24, QLTN 24, VNH 24) N4_VNH, Sinh	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10			1,2	PM 3											
333	GIF1 31	3	Tin học đại cương_15 (NNTQ1 24)	Bùi Đức Việt	14/09/2026-27/12/2026	15	7,8	A2. P104													
334	GIF1 31	3	Tin học đại cương_15 (NNTQ1 24) N1	Đỗ Thị Thu Hiền	12/10/2026-20/12/2026	10									7,8	PM 2					
335	GIF1 31	3	Tin học đại cương_15 (NNTQ1 24) N2	Ngô Hoàng Liêm	12/10/2026-20/12/2026	10									9,10	PM 2					
336	GIF1 31	3	Tin học đại cương_15 (NNTQ1 24) N3	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10							7,8	PM 3							
337	GIF1 31	3	Tin học đại cương_15 (NNTQ1 24) N4	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10			9,10	PM 2											
338	GIF1 31	3	Tin học đại cương_16 (NNTQ2 24)	Hoàng Hoài Nam	14/09/2026-27/12/2026	15											7,8	A3. P402			
339	GIF1 31	3	Tin học đại cương_16 (NNTQ2 24) N1	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10									7,8	PM 3					
340	GIF1 31	3	Tin học đại cương_16 (NNTQ2 24) N2	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10									9,10	PM 3					
341	GIF1 31	3	Tin học đại cương_16 (NNTQ2 24) N3	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10							9,10	PM 3							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
342	GIF1 31	3	Tin học đại cương_16 (NNTQ2 24) N4	Đỗ Xuân Phương	12/10/2026-20/12/2026	10					1,2	PM 1									
343	GIF1 31	3	Tin học đại cương_17 (NNTQ3 24)	MG: Dương Vĩnh Thiện	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2	A2. P502									
344	GIF1 31	3	Tin học đại cương_17 (NNTQ3 24) N1	MG: Nguyễn Thị Ngoan	12/10/2026-20/12/2026	10					5,6	PM 3									
345	GIF1 31	3	Tin học đại cương_17 (NNTQ3 24) N2	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10										3,4	PM 2				
346	GIF1 31	3	Tin học đại cương_17 (NNTQ3 24) N3	MG: Phạm Quốc Hưng	12/10/2026-20/12/2026	10										5,6	PM 2				
347	GIF1 31	3	Tin học đại cương_17 (NNTQ3 24) N4	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10					3,4	PM 3									
348	GIF1 31	3	Tin học đại cương_18 (NNTQ4 24)	Bùi Thị Phương Thúy	14/09/2026-27/12/2026	15	10,11	A2. P502													
349	GIF1 31	3	Tin học đại cương_18 (NNTQ4 24) N1	Đỗ Thị Thu Hiền	12/10/2026-20/12/2026	10							1,2	PM 1							
350	GIF1 31	3	Tin học đại cương_18 (NNTQ4 24) N2	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10							3,4	PM 1							
351	GIF1 31	3	Tin học đại cương_18 (NNTQ4 24) N3	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10							5,6	PM 1							
352	GIF1 31	3	Tin học đại cương_18 (NNTQ4 24) N4	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10					3,4	PM 1									
353	GIF1 31	3	Tin học đại cương_19 (NNTQ5 24)	MG: Dương Vĩnh Thiện	14/09/2026-27/12/2026	15					4,5	A3. P402									
354	GIF1 31	3	Tin học đại cương_19 (NNTQ5 24) N1	Nguyễn Tuấn Anh	12/10/2026-20/12/2026	10			1,2	PM 1											
355	GIF1 31	3	Tin học đại cương_19 (NNTQ5 24) N2	Nguyễn Văn Toàn	12/10/2026-20/12/2026	10	5,6	PM 2													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
356	GIF1 31	3	Tin học đại cương_19 (NNTQ5 24) N3	Đỗ Xuân Phương	12/10/2026-20/12/2026	10			1,2	PM 2											
357	GIF1 31	3	Tin học đại cương_19 (NNTQ5 24) N4	Ngô Hoàng Liêm	12/10/2026-20/12/2026	10	9,10	PM 4													
358	GIF1 31	3	Tin học đại cương_20 (NNTQ6 24)	Bùi Đức Việt	14/09/2026-27/12/2026	15									7,8	A2. P103					
359	GIF1 31	3	Tin học đại cương_20 (NNTQ6 24) N1	MG: Nguyễn Hữu Khánh	12/10/2026-20/12/2026	10			7,8	PM 1											
360	GIF1 31	3	Tin học đại cương_20 (NNTQ6 24) N2	MG: Nguyễn Hữu Khánh	12/10/2026-20/12/2026	10			9,10	PM 1											
361	GIF1 31	3	Tin học đại cương_20 (NNTQ6 24) N3	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10			7,8	PM 2											
362	GIF1 31	3	Tin học đại cương_20 (NNTQ6 24) N4	Ngô Hoàng Liêm	12/10/2026-20/12/2026	10	1,2	PM 2													
363	GIF1 31	3	Tin học đại cương_21 (NNTQ7 24)	Nguyễn Huyền Trang	14/09/2026-27/12/2026	15							10,11	A2. P502							
364	GIF1 31	3	Tin học đại cương_21 (NNTQ7 24) N1	Ngô Hoàng Liêm	12/10/2026-20/12/2026	10	7,8	PM 1													
365	GIF1 31	3	Tin học đại cương_21 (NNTQ7 24) N2	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10	9,10	PM 1													
366	GIF1 31	3	Tin học đại cương_21 (NNTQ7 24) N3	Bùi Thị Phương Thúy	12/10/2026-20/12/2026	10	7,8	PM 4													
367	GIF1 31	3	Tin học đại cương_21 (NNTQ7 24) N4	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10					1,2	PM 3									
368	GIF1 31	3	Tin học đại cương_22 (NNTQ8 24)	Bùi Đức Việt	14/09/2026-27/12/2026	15	10,11	A3. P302													
369	GIF1 31	3	Tin học đại cương_22 (NNTQ8 24) N1	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10											7,8	PM 2			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
370	GIF1 31	3	Tin học đại cương_22 (NNTQ8 24) N2	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10											9,10	PM 2			
371	GIF1 31	3	Tin học đại cương_22 (NNTQ8 24) N3	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10							9,10	PM 2							
372	GIF1 31	3	Tin học đại cương_22 (NNTQ8 24) N4	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10											5,6	PM 4			
373	GIF1 31	3	Tin học đại cương_23 (NNTQ9 24)	Hoàng Hoài Nam	14/09/2026-27/12/2026	15											9,10	A3. P402			
374	GIF1 31	3	Tin học đại cương_23 (NNTQ9 24) N1	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10	7,8	PM 2													
375	GIF1 31	3	Tin học đại cương_23 (NNTQ9 24) N2	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10	9,10	PM 2													
376	GIF1 31	3	Tin học đại cương_23 (NNTQ9 24) N3	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10											1,2	PM 4			
377	GIF1 31	3	Tin học đại cương_23 (NNTQ9 24) N4	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10											3,4	PM 4			
378	GIF1 31	3	Tin học đại cương_24 (NNTQ10 24)	Trần Đình Giang	14/09/2026-27/12/2026	15									4,5	A2. P404					
379	GIF1 31	3	Tin học đại cương_24 (NNTQ10 24) N1	Trịnh Thị Linh	12/10/2026-20/12/2026	10											7,8	PM 3			
380	GIF1 31	3	Tin học đại cương_24 (NNTQ10 24) N2	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10											9,10	PM 3			
381	GIF1 31	3	Tin học đại cương_24 (NNTQ10 24) N3	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10									1,2	PM 1					
382	GIF1 31	3	Tin học đại cương_24 (NNTQ10 24) N4	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10					5,6	PM 1									
383	GIF1 31	3	Tin học đại cương_25 (ToánV3 24)	Trần Đình Giang	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2	A3. P402					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
384	GIF131	3	Tin học đại cương_25 (ToánV3 24) N1	Nguyễn Tuấn Anh	12/10/2026-20/12/2026	10							7,8	PM 1							
385	GIF131	3	Tin học đại cương_25 (ToánV3 24) N2	Nguyễn Tuấn Anh	12/10/2026-20/12/2026	10							9,10	PM 1							
386	GIF131	3	Tin học đại cương_25 (ToánV3 24) N3	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10					7,8	PM 3									
387	GIF131	3	Tin học đại cương_25 (ToánV3 24) N4	Trịnh Minh Phú	12/10/2026-20/12/2026	10					9,10	PM 3									
388	MNC131	3	Toán trong khoa học tự nhiên_01 (KHTN 24)	Dương Thị Hồng	14/09/2026-22/11/2026	10			4,5,6	A2. P203											
				Ngô Văn Định	23/11/2026-27/12/2026	5			4,5,6	A2. P203											
389	CLE231	3	Tổng quan về văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam_01 (DTTS 24)	Lường Thị Hạnh	14/09/2026-27/12/2026	15			10,11,12	A2. P303											
390	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_01 (TQ1 24)	Lê Thị Sự	14/09/2026-20/09/2026	1					9,10,11	Hội Trường									
				Lê Thị Sự	21/09/2026-27/12/2026	14					9,10,11	Online-303									
391	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_02 (TQ2 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1										8,9,10	Hội Trường				
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14										2,3,4	Online-304				
392	MLT131	3	Triết học Mác - Lênin_03 (TQ3 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1					9,10,11	Hội Trường									
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14					7,8,9	Online-301									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
393	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_04 (TQ4 24, Văn5 24, TQ8 24)	Lê Thị Sự	14/09/2026-20/09/2026	1									9,10,11	Hội Trường					
				Lê Thị Sự	21/09/2026-27/12/2026	14									9,10,11	Online-303					
394	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_05 (TQ5 24, NNTQ11 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1					3,4,5	Hội Trường									
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14					3,4,5	Online-301									
395	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_06 (Văn5 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1									9,10,11	Hội Trường					
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14									9,10,11	Online-302					
396	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_07 (TQ7 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1											8,9,10	Hội Trường			
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14											2,3,4	Online-301			
397	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_08 (Địa 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1											8,9,10	Hội Trường			
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14											10,11,12	Online-302			
398	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_09 (ToánV3 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1											8,9,10	Hội Trường			
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14											7,8,9	Online-302			
399	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_10 (NNTQ1 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1											2,3,4	Hội Trường			
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14	1,2,3	Online-301													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
400	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_11 (NNTQ2 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1			9,10,11	Hội Trường											
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14			10,11,12	Online-302											
401	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_12 (NNTQ3 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1					9,10,11	Hội Trường									
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14					7,8,9	Online-302									
402	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_13 (NNTQ4 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1					9,10,11	Hội Trường									
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14					10,11,12	Online-302									
403	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_14 (Sử1 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1											2,3,4	Hội Trường			
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14											2,3,4	Online-302			
404	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_15 (Sử2 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1							1,2,3	Hội Trường							
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14							1,2,3	Online-304							
405	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_16 (Sử3 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1			9,10,11	Hội Trường											
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14			7,8,9	Online-302											
406	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_17 (Sử4 24)	Lê Thị Sự	14/09/2026-20/09/2026	1			9,10,11	Hội Trường											
				Lê Thị Sự	21/09/2026-27/12/2026	14			3,4,5	Online-303											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
407	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_18 (Văn1 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1	1,2,3	Hội Trườn g													
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14	1,2,3	Online-304													
408	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_19 (Văn2 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1	9,10,11	Hội Trườn g													
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14	7,8,9	Online-304													
409	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_20 (Văn3 24)	Lê Thị Sự	14/09/2026-20/09/2026	1						9,10,11	Hội Trườn g								
				Lê Thị Sự	21/09/2026-27/12/2026	14						9,10,11	Online-303								
410	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_21 (Văn4 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1					3,4,5	Hội Trườn g									
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14					3,4,5	Online-302									
411	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_22 (LýBD 24, LýGV 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1					3,4,5	Hội Trườn g									
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14					7,8,9	Online-304									
412	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_23 (Luật1 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1	9,10,11	Hội Trườn g													
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14	9,10,11	Online-301													
413	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_24 (LuậtKT 24, Luật2 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1	1,2,3	Hội Trườn g													
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14	9,10,11	Online-302													



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
414	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_25 (ToánV1 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1					3,4,5	Hội Trường									
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14							7,8,9	Online-302							
415	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_26 (ToánV2 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1									3,4,5	Hội Trường					
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14							7,8,9	Online-301							
416	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_27 (TTUD 24, TTGV 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1									3,4,5	Hội Trường					
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14									3,4,5	Online-301					
417	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_28 (CNTT 24, KHDL 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1									9,10,11	Hội Trường					
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14									9,10,11	Online-301					
418	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_29 (KTHH 24, HóaGV 24, Dược 24, SĐ 24, DTTS 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1									9,10,11	Hội Trường					
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14									9,10,11	Online-304					
419	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_34 (AGV 24, QHCC 24 2)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1							9,10,11	Hội Trường							
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14							10,11,12	Online-301							
420	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_35 (ToánA 24, ToánV4 24, QHCC 24 1)	Lê Thị Sự	14/09/2026-20/09/2026	1											2,3,4	Hội Trường			
				Lê Thị Sự	21/09/2026-27/12/2026	14											2,3,4	Online-304			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
421	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_36 (QLTN 24, MT 24, VNH 24, NNTQ11 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1			1,2,3	Hội Trường											
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14											8,9,10	Online-304			
422	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_37 (CNSH 24, Sinh 24, KHTN 24)	Lê Thị Sự	14/09/2026-20/09/2026	1			1,2,3	Hội Trường											
				Lê Thị Sự	21/09/2026-27/12/2026	14											9,10,11	Online-303			
423	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_38 (NNTQ5 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1			1,2,3	Hội Trường											
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14					10,11,12	Online-304									
424	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_39 (NNTQ6 24)	Trịnh Thị Nghĩa	14/09/2026-20/09/2026	1	1,2,3	Hội Trường													
				Trịnh Thị Nghĩa	21/09/2026-27/12/2026	14					10,11,12	Online-301									
425	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_40 (NNTQ7 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1							1,2,3	Hội Trường							
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14							3,4,5	Online-302							
426	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_41 (NNTQ8 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1							1,2,3	Hội Trường							
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14							4,5,6	Online-304							
427	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_42 (NNTQ9 24)	Đinh Thị Hiền	14/09/2026-20/09/2026	1							9,10,11	Hội Trường							
				Đinh Thị Hiền	21/09/2026-27/12/2026	14							9,10,11	Online-304							



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
428	MLT 131	3	Triết học Mác - Lênin_43 (NNTQ10 24)	Trương Thị Thảo Nguyên	14/09/2026-20/09/2026	1							9,10,11	Hội Trường							
				Trương Thị Thảo Nguyên	21/09/2026-27/12/2026	14							10,11,12	Online-302							
429	FJS1 31	3	Từ vựng tiếng Anh_01 (Anh1 24)	Dương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15					1,2,3	A3. P101									
430	FJS1 31	3	Từ vựng tiếng Anh_02 (Anh2 24)	Dương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A3. P103											
431	FJS1 31	3	Từ vựng tiếng Anh_03 (Anh3 24)	Dương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A3. P102													
432	FJS1 31	3	Từ vựng tiếng Anh_04 (Anh4 24)	Dương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A3. P201							
433	FJS1 31	3	Từ vựng tiếng Anh_05 (Anh5 24)	Dương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15									4,5,6	A3. P201					
434	FJS1 31	3	Từ vựng tiếng Anh_06 (AGV 24)	Dương Thị Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15									1,2,3	A3. P302					
435	FJS1 31	3	Từ vựng tiếng Anh_07 (AH 24, ToánA 24)	Đào Đình Mạnh	14/09/2026-27/12/2026	15			1,2,3	A3. P301											
436	LDK 131	3	Từ vựng tiếng Hàn_01 (HQ1 24)	Nguyễn Thị Linh	14/09/2026-08/11/2026	8	3,4,5	A3. P401													
				Ngô Khánh Linh	09/11/2026-27/12/2026	7	3,4,5	A3. P401													
437	LDK 131	3	Từ vựng tiếng Hàn_02 (HQ2 24, HQ1 24)	Nguyễn Thị Linh	14/09/2026-08/11/2026	8			3,4,5	A3. P401											
				Ngô Khánh Linh	09/11/2026-27/12/2026	7			3,4,5	A3. P401											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
438	LDK 131	3	Tư vịnh tiếng Hàn_03 (HQ3 24)	Nguyễn Thị Linh	14/09/2026-08/11/2026	8							1,2,3	A3. P503							
				Ngô Khánh Linh	09/11/2026-27/12/2026	7							1,2,3	A3. P503							
439	AIM3 31	3	Ứng dụng AI trong quản lý môi trường_01 (MT 24)	Nguyễn Thu Hường	14/09/2026-01/11/2026	7							7,8	A2. P505							
				Nguyễn Trường Sơn	28/09/2026-18/10/2026	3	7,8,9,10,11	A2. P505													
				Nguyễn Thu Hường	19/10/2026-08/11/2026	3	7,8,9,10,11	A2. P505													
				Nguyễn Trường Sơn	02/11/2026-27/12/2026	8							7,8	A2. P505							
440	AIT2 31	3	Ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo trong dạy học Ngữ văn_01 (Văn1 24)	Nguyễn Thị Trà My	14/09/2026-27/12/2026	15							3,4,5	A3. P204							
441	AIT2 31	3	Ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo trong dạy học Ngữ văn_02 (Văn2 24)	Nguyễn Thị Trà My	14/09/2026-27/12/2026	15									10,11,12	A2. P204					
442	AIT2 31	3	Ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo trong dạy học Ngữ văn_03 (Văn3 24)	Nguyễn Thị Trà My	14/09/2026-27/12/2026	15					7,8,9	A2. P502									
443	AIT2 31	3	Ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo trong dạy học Ngữ văn_04 (Văn4 24)	Nguyễn Thị Trà My	14/09/2026-27/12/2026	15					10,11,12	A3. P402									
444	AIT2 31	3	Ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo trong dạy học Ngữ văn_05 (Văn5 24)	Nguyễn Thị Trà My	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A3. P403													
445	GPH 231	3	Vật lý đại cương_01 (KTHH 24)	Chu Thị Anh Xuân	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A2. P203													



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
446	PSE231	3	Vật lý I_01 (LýBD 24, LýGV 24)	Nguyễn Thị Hiền	14/09/2026-27/12/2026	15	1,2,3	A2. P201													
447	GES132	3	Xã hội học đại cương_02 (CTXH1 24, CTXH2 24)	Trần Thị Phương Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15									3,4,5	A3. P403					
448	GES132	3	Xã hội học đại cương_03 (TD 24, TV 24)	Trần Thị Phương Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15							1,2,3	A2. P103							
449	GES132	3	Xã hội học đại cương_04 (BC1 24)	Trần Thị Phương Thảo	14/09/2026-27/12/2026	15							9,10,11	A2. P201							
450	PRS131	3	Xác suất thống kê_01 (CNSH 24, Sinh 24, KTHH 24)	Dương Thị Việt An	14/09/2026-27/12/2026	15			7,8,9	A2. P402											

Ghi chú:

- Các phòng học lý thuyết được bố trí tại các giảng đường A2, A3, A7. ví dụ: phòng học A2.P102 là phòng học P.102 ở giảng đường A2
- Các lớp Giáo dục thể chất học tại Khu sân tập cạnh Nhà thi đấu đa năng;
- Các lớp thực hành tại phòng máy (PM) học tại tầng 5 khu Nhà Hiệu bộ
- Các lớp thực hành tại phòng thí nghiệm (PTN) học tại Khu Trung tâm TNTH Trường ĐHKH
- Các học phần mời giảng, thực tập thực tế, giờ thực hành (nếu có) sẽ thông báo sau khi thống nhất kế hoạch với các Khoa;

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các đơn vị;
- Website;
- Lưu: ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS.TS. Vũ Xuân Hòa